

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2025

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Thúy Hào

2. Ông Đặng Song Hoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 402/2024/TLST-HNGĐ ngày 16-7-2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lê Đức H, sinh năm 1973; địa chỉ: 1 đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1981 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị P, sinh năm 1978; địa chỉ: A B, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lê Đức H trình bày:

Ông H và bà Phạm Thị P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 19-8-2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu ông H và bà P chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do hai người không hòa hợp, không có sự chia sẻ và bất đồng quan điểm sống. Dù đã hàn gắn nhưng các bên đều nhận thấy không còn yêu thương nhau nên không thể tiếp tục chung sống. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà P có 01 người con chung là cháu Lê Phương V, sinh ngày 10-11-2007. Cháu V hiện tại đang ở với bà P và theo nguyện vọng của cháu V thì cháu muốn được ở với mẹ nên ông H đồng ý giao cháu V cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi); ông H sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6-2025.

Về tài sản chung: Ông H và bà P tự thỏa thuận nên ngày 11-3-2025, ông H đã rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị P:

Về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống với ông H và mâu thuẫn vợ chồng như ông H trình bày là đúng. Dù đã hàn gắn nhưng ông H và bà P vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau; nay ông H đề nghị ly hôn thì bà P đồng ý với yêu cầu của ông H.

Về con chung: Bà P và ông H có 01 người con chung là cháu Lê Phương V, sinh ngày 10-11-2007. Tại Biên bản làm việc ngày 20-8-2024 thì bà P cho rằng cần phải trao đổi với cháu V để biết nguyện vọng của cháu muốn ở với ai và không thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng của ông H. Tại Biên bản hòa giải ngày 06-01-2025 thì bà P đồng ý để ông H trực tiếp nuôi cháu V và bà P không cấp dưỡng nuôi con. Sau đó, bà P vắng mặt tại buổi hòa giải ngày 10-4-2025 và vắng mặt tại phiên tòa; cũng không gửi ý kiến trình bày cho Tòa án.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đường sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức H được ly hôn với bà Phạm Thị P. Về con chung: Đối với cháu V hiện đang ở với bà P và có nguyện vọng được ở với bà P nên đề nghị giao cháu V cho bà P được trực tiếp dưỡng; ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H đã rút yêu cầu chia tài sản chung, bà P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Phạm Thị

P có địa chỉ tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Phạm Thị P được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức H và bà Phạm Thị P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 19-8-2008 tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên là hôn nhân hợp pháp. Theo ông H khai thì thời gian đầu ông H và bà P chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể chia sẻ và đồng cảm với nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3-2024 cho đến nay. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà P, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn. Bà P cũng thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng như ông H trình bày và cho rằng nguyên nhân xuất phát từ việc ông H có người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P cũng đồng ý ly hôn.

Nhận thấy, hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ và chồng cùng yêu thương, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Cả ông H và bà P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đã sống ly thân. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông H và bà P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà P có 01 người con chung là cháu Lê Phương V, sinh ngày 10-11-2007.

Tại phiên tòa, ông H đồng ý giao cháu V cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi) dựa trên nguyện vọng của cháu V, ông H thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung từ 3.000.000đ mỗi tháng lên 5.000.000đ mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6-2025. Tại Biên bản làm việc ngày 20-8-2024 thì bà P đồng ý nuôi cháu V và không đồng ý với mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng của ông H. Tại Biên bản hòa giải ngày 06-01-2025 thì bà P đồng ý để ông H trực tiếp nuôi cháu V và bà P không cấp dưỡng. Sau đó, bà P vắng mặt tại buổi hòa giải và các phiên xét xử cũng không gửi ý kiến trình bày cho Tòa án.

Xét thấy, cháu V hiện đang ở với bà P và có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ; bà P cũng có ý kiến đồng ý nuôi cháu V. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và tránh xáo trộn môi trường sống của cháu nên giao cháu V cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

Ông Lê Đức H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về vấn đề cấp dưỡng: Tại Biên bản làm việc ngày 20-8-2024 thì bà P không đồng ý với mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng của ông H; tại phiên tòa ông H tự đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng. Xét thấy, bà P vắng mặt tại phiên tòa cũng không gửi ý kiến cho Tòa án, Hội đồng xét xử thấy mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ của ông H là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà P tự thỏa thuận nên ông H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Ngày 13-3-2025, Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Đức H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn là bà Phạm Thị P:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức H được ly hôn với bà Phạm Thị P.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Phương V, sinh ngày 10-11-2007 cho bà Phạm Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi); ông Lê Đức H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6-2025.

Ông Lê Đức H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Đức H, bà Phạm Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Lê Đức H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0000406 ngày 16-7-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông H còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- UBND P.N, thành phố Vũng Tàu;
(GCNKH số 79 ngày 19-8-2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên